

Bản án số: **409/2024/DSST**  
Ngày: 19/9/2024  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Trong ngày **19** tháng **9** năm **2024** tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 139/TLST-DS ngày 19/4/2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-DS ngày 21/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 240/2024/QĐST – DS ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị L**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Đại diện ủy quyền: Phạm Ngọc D, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HG, xã MP, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: NTT, phường 10, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- **Đoàn Phương Q**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đoàn Phương Th, sinh năm 1996; (có đơn xin vắng mặt)

- Lê Thị Lan Ch, sinh năm 1995; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Ông Phạm Ngọc D là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Võ Thị L trình bày:

Ông Đoàn Phương Q và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng có làm chủ nhiều dây hụi từ nhiều năm nay, bà Thọ có tham gia chơi hụi do ông bà làm chủ với tư cách là hụi viên:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 15/11/2022 AL, gồm 24 phần, bà L tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Cô Năm L. Dây hụi này bà L đóng được 15 phần hụi sống x 1.450.000 đồng = 21.750.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 25/4/2023 AL, gồm 24 phần, bà L tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Cô Năm (L). Dây hụi này bà L đóng được 09 phần hụi sống x 1.450.000 đồng = 13.050.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 25/4/2023 AL, gồm 24 phần, bà L tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Cô Năm (L). Dây hụi này bà L đóng được 09 phần hụi sống x 1.450.000 đồng = 13.050.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2023 AL, gồm 24 phần, bà L tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Cô Năm (L). Dây hụi này bà L đóng được 05 phần hụi sống x 1.450.000 đồng = 7.250.000 đồng.

Tổng số tiền các dây hụi bà L đóng là 55.100.000 đồng.

Trong quá trình tham gia chơi hụi, ông Q, bà T làm chủ hụi; anh Đoàn Phương Th gom hụi (nhận tiền hụi cho ông Q bà T), chị Lê Thị Lan Ch (con dâu ông Q, bà T) lập danh sách cho hụi viên và nhận tiền đóng hụi của hụi viên cho ông Q, bà T.

Tháng 01/2024 AL, đến kỳ khai hụi, ông Q bà T ngưng việc chơi hụi, trong đó hụi chưa mãn, lại không trả tiền hụi sống cho bà L.

Nay bà L yêu cầu ông Q, bà T, anh Th, chị Ch liên đới trả lại cho bà L số tiền hụi sống đã đóng là 55.100.000 đồng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 19/9/2024 bà Võ Thị L có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch có nghĩa vụ liên đới cùng ông Q và bà T trả số tiền nợ hụi trên.

*\* Theo bản tự khai ngày 10/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Năm 1988 bà có kết hôn với ông Đoàn Phương Q. Vào năm 2008, bà làm chủ hụi góp vốn để có nguồn thu nhập từ chủ hụi tiền đầu thảo, bà kêu gọi tham gia hụi và bà là đầu thảo hụi, mỗi tháng mở hụi từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hụi gom hụi, giao hụi đều do các hụi viên thống nhất đồng ý. Công việc làm hụi ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hụi viên không có khả năng đóng hụi cho bà, bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hụi viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hụi thay cho các hụi viên đã hốt. Nay bà còn thiếu bà Võ Thị L số tiền hụi là 55.100.000 đồng và xin trả mỗi tháng 200.000 đồng đến khi hết nợ.

*\* Bị đơn ông Đoàn Phương Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch có đơn xin vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Tại phiên tòa: Các đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền nợ hội 55.100.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hội” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà T và ông Q cư trú tại ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Phạm Ngọc D, anh Th, Ch Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T là anh S, ông Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Ngày 19/9/2024 bà L có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T và ông Q trả số tiền hội 55.100.000 đồng, không yêu cầu anh Th và chị Ch cùng liên đới trả tiền. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu này của bà L.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bà L có tham gia hội do bà T làm chủ hội, hội có hoa hồng. Tại bản tự khai, bà T thừa nhận là bà có làm chủ hội và bà L có tham gia góp hội với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà L và bà T có xác lập giao dịch góp hội với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L khai bà T và ông Q còn nợ bà L số tiền hội 55.100.000 đồng, phía bà T thừa nhận và thống nhất số tiền hội còn nợ bà L. Quá trình tham gia hội, bà L là hội viên, đóng hội đầy đủ cho bà T. Hiện nay, các dây hội bà L tham gia 02 bên thừa nhận đều bị bẻ hội, phía bà T không hoàn

trả lại số tiền đóng hụi cho bà L làm một lần mà có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ là vi phạm trách nhiệm của chủ hộ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 55.100.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Ông Q là chồng bà T, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T, ông Q cư trú thì ông Q, bà T hiện vẫn chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn, ở cùng nhà tại địa chỉ ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo. Bà T làm chủ hụi rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hụi và khai hụi, ông Q chồng bà T có nhiệm vụ giúp bà T gom hụi, nhận tiền hụi, giao hụi và lập danh sách hụi viên. Ngoài việc giúp bà T làm hụi thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dừa. Ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng vì các bên tham gia chơi hụi diễn ra trong thời gian dài, ông bà hiện tại vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng nên ông Q phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả tiền cho bà L theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tiền lãi: Bà L không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về yêu cầu trả nợ dần số tiền hụi: Bà T trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng. Xét thấy bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và việc yêu cầu trả dần của bị đơn cũng không được phía nguyên đơn đồng ý. Do đó, buộc bà T và ông Q có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 55.100.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phưởng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị L số tiền nợ hụi là 55.100.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q phải chịu 2.755.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**\* Nơi nhân:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Thị Mỹ Lil**

